

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
CÔNG TY NLG MIỀN NAM

Gói 2: BIỂU KÊ CHI TIẾT DIỆN TÍCH, GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG NHỰA
(Khai thác năm thứ 2)

Ban trồng rừng	TK	Kh	Lô	Loài cây/Nă m trồng	Diện tích QLBV (ha)	Diện tích CN (ha)	Tổng số cây (cây)	Số cây không đủ tiêu chuẩn cạo nhựa (cây)	Số cây cạo nhựa (cây)				Sản lượng nhựa (kg/lô)	Đơn giá (đồng/ kg)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
									Tổng số cây cạo nhựa	15cm≤D _{1.3} <20cm	20≤D _{1.3} <30cm	D _{1.3} ≥ 30cm				
Ngọc Hồi	181	6	a7	Pk/01	4.00	4.00	1.929	81	1.848	268	1.211	369	4.031	8.500	34.263.500	
Ngọc Hồi	181	6	a8	Pk/01	3.90	3.90	1.508	52	1.456	172	951	333	3.270	8.500	27.795.000	
Cộng Ban Ngọc Hồi					7.90	7.90		133	3.304	440	2.162	702	7.301		62.058.500	
Rờ Koi	300	0	c1	Pk/02	1.00	1.00	374	27	347	109	176	62	688	8.500	5.848.000	
Rờ Koi	300	0	c2	Pk/02	2.50	2.50	977	88	889	313	551	25	1.556	8.500	13.226.000	
Rờ Koi	302	0	c1	Pk/02	2.80	2.80	1.276	36	1.240	255	841	144	2.495	8.500	21.207.500	
Rờ Koi	572	1	a1	Pk/02	8.70	8.70	3.691	172	3.519	915	2.243	361	6.826	8.500	58.021.000	
Rờ Koi	572	1	a10	Pk/02	5.50	5.50	2.409	315	2.094	863	1.126	105	3.598	8.500	30.583.000	
Rờ Koi	572	1	a11	Pk/02	6.30	6.30	2.773	474	2.299	870	1.297	132	4.051	8.500	34.433.500	
Rờ Koi	572	1	a2	Pk/02	5.90	5.90	2.526	106	2.420	595	1.383	442	4.979	8.500	42.321.500	
Rờ Koi	572	1	a2.1	Pk/02	5.80	5.80	2.919	242	2.677	861	1.586	230	4.968	8.500	42.228.000	
Rờ Koi	572	1	a3	Pk/02	6.30	6.30	3.306	212	3.094	927	1.847	320	5.881	8.500	49.988.500	
Rờ Koi	572	1	a4	Pk/02	5.20	5.20	1.784	203	1.581	527	527	527	3.420	8.500	29.070.000	
Rờ Koi	572	1	a5	Pk/02	2.20	2.20	1.751	299	1.452	587	830	35	2.458	8.500	20.893.000	
Rờ Koi	572	1	a7	Pk/02	5.90	5.90	2.781	272	2.509	725	1.582	202	4.722	8.500	40.137.000	
Rờ Koi	572	1	a8	Pk/02	7.80	7.80	3.725	232	3.493	1.008	2.161	324	6.630	8.500	56.355.000	
Rờ Koi	572	1	a9	Pk/02	7.80	7.80	3.415	657	2.758	1.053	1.605	100	4.775	8.500	40.587.500	
Rờ Koi	572	2	a7	Pk/02	6.50	6.50	2.819	177	2.642	740	1.688	214	4.998	8.500	42.483.000	
Rờ Koi	572	2	a10	Pk/02	6.10	6.10	2.644	163	2.481	409	1.682	390	5.226	8.500	44.421.000	
Cộng Ban Rờ Koi					86.30	86.30		3.675	35.495	10.757	21.125	3.613	67.271		571.803.500	
Tổng cộng					94.20	94.20		3.808	38.799	11.197	23.287	4.315	74.572		633.862.000	